

## Phụ lục 1

### LỊCH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC; TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số: 1444 /BGDDT-GDDH ngày 14 / 04 /2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
1.	Công khai Đề án tuyển sinh tuyển sinh của CSĐT	CSĐT	Vụ GDDH Cục CNTT	Trước ngày 12/4
2.	Tập huấn Quy chế tuyển sinh	Vụ GDDH	Cục QLCL, Lãnh đạo và cán bộ tuyển sinh các CSĐT, Các sở GDĐT	Dự kiến trước ngày 15/6
3.	Gửi Đề án tuyển sinh của CSĐT về Bộ ngay sau khi CSĐT công bố Đề án trên cổng thông tin điện tử của CSĐT	CSĐT	Vụ GDDH Cục CNTT	Dự kiến trước ngày 12/4
4.	- Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi của thí sinh; nhập thông tin ĐKDT, ĐKXT đợt 1 của thí sinh vào CSDL của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT; - Thí sinh đăng kí nguyện vọng xét tuyển đợt 1 theo phương thức trực tuyến;	Sở GDĐT, Điểm thu nhận hồ sơ	Các đối tượng dự thi THPT, đăng ký xét tuyển	Từ ngày 27/4 đến 17 giờ ngày 11/5; Thí sinh đăng ký nguyện vọng XT trực tuyến từ ngày 27/4 đến 17 giờ 00 ngày 15/5
5.	Tải dữ liệu thí sinh ĐKXT từ Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để tham khảo	CSĐT	Vụ GDDH Cục CNTT	Từ ngày 20/5 đến ngày 30/5
6.	Gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển về sở GDĐT	Thí sinh	Sở GDĐT	Trước ngày 30/5
7.	Gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đến các CSĐT	Sở GDĐT	CSĐT	Trước ngày 10/6
8.	Tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho các sở GDĐT để thông báo cho thí sinh	CSĐT	Thí sinh Sở GDĐT	Trước 17 giờ 00 ngày 28/7

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
9.	Thí sinh trúng tuyển thẳng gửi Hồ sơ và xác nhận nhập học tại các CSĐT	Thí sinh	CSĐT	Trước 17 giờ 00 ngày 10/8
10.	Báo cáo kết quả xét tuyển thẳng	CSĐT	Vụ GDĐH	Trước 17 giờ 00 ngày 15/8
11.	Cập nhật vào CSDL của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT kết quả sơ tuyển, kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có) kết quả thi các môn năng khiếu (nếu có)	CSĐT	Vụ GDĐH Cục CNTT	Trước ngày 30/6 đối với xét tuyển đợt 1 và trước các đợt xét tuyển bổ sung do CSĐT quy định
12.	Bộ GDĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào khối ngành đào tạo giáo viên, khối ngành sức khỏe	Vụ GDĐH	Cục QLCL, Vụ GDTH, Vụ GDTX, Thanh tra, Vụ Pháp chế, Cục Nhà giáo và QLCBGD, Các CSĐT	Trước 17 giờ 00 ngày 3/8
13.	Điều chỉnh, công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và trang thông tin điện tử của CSĐT	CSĐT	Vụ GDĐH	Trước 17 giờ 00 ngày 5/8
14.	Thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT <b>theo phương thức trực tuyến</b> , điều chỉnh sai sót liên quan đến ưu tiên đối tượng, khu vực	Thí sinh, Điểm thu nhận hồ sơ	Vụ GDĐH Cục CNTT Sở GDĐT	Từ ngày 7/8 đến 17 giờ 00 ngày 17/8
15.	Hoàn thành việc cập nhật thông tin về điều chỉnh sai sót của tất cả thí sinh vào CSDL của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Sở GDĐT, Điểm thu nhận hồ sơ	Thí sinh	Trước 17 giờ 00 Ngày 19/8
16.	Thực hiện quy trình xét tuyển đợt 1 theo Quy chế tuyển sinh	CSĐT	Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL, Vụ GDTH, Vụ GDTX	Từ ngày 20/8 đến 17 giờ 00 ngày 22/8
17.	Công bố kết quả trúng tuyển đợt 1	CSĐT	Vụ GDĐH	trước 17 giờ 00 ngày 23/8

<b>TT</b>	<b>Nội dung công tác</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị tham gia</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
18.	Xác nhận nhập học đợt 1	Thí sinh CSĐT	Vụ GDĐH	Trước 17 giờ 00 ngày 1/9 (tính theo dấu bưu điện)
19.	Cập nhật thông tin thí sinh xác nhận nhập học vào CSDL của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	CSĐT	Vụ GDĐH Cục CNTT	Trước 17 giờ 00 Ngày 7/9
20.	Xét tuyển bổ sung (các CSĐT chủ động công bố lịch tuyển sinh bổ sung trước 15 ngày so với ngày xét tuyển)	CSĐT	Vụ GDĐH Cục CNTT Vụ GDTH	Dự kiến từ ngày 8/9
21.	Xét tuyển các đợt tiếp theo và cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học theo quy định	CSĐT	Vụ GDĐH Cục CNTT	Từ tháng 8 đến tháng 12/2021
22.	Báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2021	CSĐT	Vụ GDĐH	Trước ngày 31/12/2021

**Phụ lục 2**

**PHIẾU ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN VÀ ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT THÔNG TIN THÍ SINH (gồm 2 mẫu phiếu)**

(Kèm theo Công văn số: 1444 /BGDDĐT-GDDH ngày 14 / 04 /2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GDĐT.....  
MÃ SỐ:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHIẾU SỐ 1  
(Nơi tiếp nhận lưu)

SỐ PHIẾU:

**PHIẾU ĐIỀU CHỈNH KHU VỰC ƯU TIÊN, ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN, SỐ NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. **Họ, chữ đệm và tên của thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

ngày tháng năm

3. **Số CMND/Căn cước CD** (hồ sơ đăng ký dự thi)

4. **Số báo danh** (trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT)

5. **Số điện thoại** (hồ sơ đăng ký dự thi).....

6. **Địa chỉ Email:** .....

**B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN**

7. **Đề nghị điều chỉnh**

**Khu vực ưu tiên tuyển**

**Đối tượng ưu tiên**

chế độ ưu tiên:

sinh:

tuyển sinh:

8. **Số nguyện vọng đăng kí ban đầu:**

Bằng chữ: .....

9. **Số nguyện vọng điều chỉnh tăng:**

Bằng chữ: .....

10. **Tổng số nguyện vọng sau điều chỉnh:**

Bằng chữ: .....

**C. CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Ngày tháng năm 20....

Ngày tháng năm 2021

**NƠI NHẬN ĐĂNG KÝ DỰ THI**

**Chữ ký của thí sinh**

(Đại diện ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**PHIẾU ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN  
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN VÀ ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT THÔNG  
TIN THÍ SINH (gồm 2 mẫu phiếu)**

*(Kèm theo Công văn số: 1444 /BGDDĐT-GDDH ngày 14 / 04 /2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

SỐ GDĐT .....  
MÃ SỐ:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHIẾU SỐ 2  
(Thí sinh lưu)

SỐ PHIẾU:

**PHIẾU ĐIỀU CHỈNH KHU VỰC ƯU TIÊN, ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN, SỐ NGUYỆN  
VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN**

**B. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

**2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

ngày tháng năm

**3. Số CMND/Căn cước CD** (hồ sơ đăng ký dự thi)

**4. Số báo danh** (trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT)

**5. Số điện thoại** (hồ sơ đăng ký dự thi).....

**6. Địa chỉ Email:** .....

**B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN**

**7. Đề nghị điều chỉnh**

**Khu vực ưu tiên**

**Đối tượng ưu tiên**

chế độ ưu tiên:

tuyển sinh:

tuyển sinh:

**8. Số nguyện vọng đăng kí ban đầu:**

Bằng chữ: .....

**9. Số nguyện vọng điều chỉnh tăng:**

Bằng chữ: .....

**10. Tổng số nguyện vọng sau điều chỉnh:**

Bằng chữ: .....

**C. CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Ngày tháng năm 20....

Ngày tháng năm 2021

**NƠI NHẬN ĐĂNG KÝ DỰ THI**

**Chữ ký của thí sinh**

(Đại diện ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN VÀO PHIẾU ĐIỀU CHỈNH KHU VỰC ƯU TIÊN, ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN, SỐ NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN

Thông tin điều chỉnh ĐKXT được khai trên 02 phiếu (Phiếu số 1 Nơi tiếp nhận lưu, Phiếu số 2 Thí sinh lưu).

1. Phần **THÔNG TIN CÁ NHÂN**: Cần ghi chính xác và thống nhất với thông tin trong Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển vào đại học; cao đẳng.

2. Mục 7: "Đề nghị điều chỉnh chế độ ưu tiên": Nếu thí sinh có sửa "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" hoặc "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" thì đánh dấu X vào ô "Đề nghị điều chỉnh chế độ ưu tiên", đồng thời nếu điều chỉnh ưu tiên khu vực thì trong mục "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các mã KV1, KV2-NT, KV2 hoặc KV3 tương ứng với khu vực ưu tiên của thí sinh được hưởng; nếu điều chỉnh ưu tiên đối tượng thì trong mục "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các ký hiệu từ 01 đến 07 tương ứng với đối tượng ưu tiên của thí sinh được hưởng. Nếu không thuộc đối tượng ưu tiên thì để trống). Thí sinh phải nộp các minh chứng để được hưởng các chế độ ưu tiên theo quy định.

3. Mục 8, 9, 10: Nếu thí sinh tăng thêm nguyện vọng so với ban đầu thì nhập thông tin vào các mục này, đồng thời nộp lệ phí đối với số nguyện vọng tăng thêm cho điểm tiếp nhận. Điểm tiếp nhận nhập số nguyện vọng tăng thêm lên hệ thống, sau đó thí sinh vào hệ thống để tự đăng ký xét tuyển trực tuyến.

**Phụ lục 3**  
**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẮNG**  
**VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2021**  
(Kèm theo Công văn số: 1444 /BGDDĐT-GDDH ngày 14 / 04 /2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

---

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẮNG**  
**VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2021**  
(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)

Ảnh 4x6

**1. Họ và tên thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)  
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)      **Giới**     

**2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:**  
(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)                       
*ngày*      *tháng*      *năm*

**3. Số CMND** (như hồ sơ đăng ký dự thi)     

**4. Điện thoại** (như hồ sơ đăng ký dự thi): ..... **Email:** .....

**5. Nơi sinh** ( tỉnh, thành phố): .....

**6. Năm tốt nghiệp THPT** .....

**7. Năm đoạt giải:**.....

**8. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương**

*Môn đoạt giải*

*Loại giải, loại huy chương*

**9. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm ..... môn: .....**

**10. Đăng ký xét tuyển thẳng vào CSĐT/ngành học:**

Số TT	Mã CSĐT (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			
...			

**11. Địa chỉ báo tin:** .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp  
12 CSĐT .....đã khai  
đúng sự thật.

*Ngày ..... tháng ..... năm 2021*

**Hiệu trưởng**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

*Ngày ..... tháng .. năm 2021*

**Chữ ký của thí sinh**



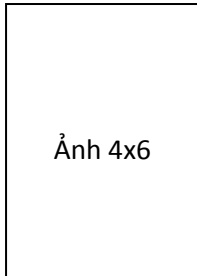
**Phụ lục 4**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO  
ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2021**

(Kèm theo Công văn số: 1444 /BGDDĐT-GDDH ngày 14 / 04 /2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG  
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2021**  
(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại  
điểm i, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)



Ảnh 4x6

**1. Họ và tên thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)  
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0) **Giới**

**2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

**3. Số CMND** (như hồ sơ đăng ký dự thi)

**4. Điện thoại** (như hồ sơ đăng ký dự thi): ..... **Email:** .....

**5. Hộ khẩu thường trú** (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh).....  
.....

**6. Dân tộc:** .....

**7. Nơi học THPT hoặc tương đương:**

- Năm lớp 10: .....

- Năm lớp 11: .....

- Năm lớp 12: .....

**8. Năm tốt nghiệp THPT:** .....

**9. Học lực:** Năm lớp 10: .....; Năm lớp 11: .....; Năm lớp 12: .....

**10. Đăng ký xét tuyển thăng vào CSĐT/ngành học:**

Số TT	Mã CSĐT (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			

**11. Địa chỉ báo tin:** .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp  
12 CSĐT.....

đã khai đúng sự thật.

*Ngày ..... tháng ..... năm 2021*

**Hiệu trưởng**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

*Ngày ..... tháng ..... năm 2021*

**Chữ ký của thí sinh**

**Phụ lục 5**  
**PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO**  
**ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2021**

*(Kèm theo Công văn số: 1444 /BGDDĐT-GDDH ngày 14 / 04 /2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN**  
**VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2021**

Ảnh 4x6

**1. Họ và tên thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)  
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0) **Giới**

**2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

--	--	--	--	--	--

*ngày tháng năm*

**3. Số CMND** (như hồ sơ đăng ký dự thi)

--	--	--	--	--	--	--	--

**4. Điện thoại** (như hồ sơ đăng ký dự thi): ..... **Email:** .....

**5. Nơi sinh** (ghi tỉnh, thành phố). .....

**6. Môn đoạt giải:** ..... **Loại giải, huy chương:** .....

**7. Năm đoạt giải:** .....

**8. Năm tốt nghiệp THPT:** .....

**9. Đăng ký ưu tiên xét tuyển** (như hồ sơ đăng ký dự thi):

Số TT	Mã CSĐT (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp  
12 CSĐT ..... đã khai  
đúng sự thật.

Ngày ..... tháng ..... năm 2021

**Chữ ký của thí sinh**

Ngày ..... tháng ..... năm 2021

**Hiệu trưởng**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 6**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**THÍ SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI**

*(Kèm theo Công văn số: 1444/BGDĐT-GDDH ngày 14/04/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

<b>Số TT</b>	<b>Tên môn thi học sinh giỏi</b>	<b>Tên ngành đào tạo</b>	<b>Mã ngành</b>
1	Toán	Sư phạm Toán học (*)	7140209
		Toán học (*)	7460101
		Toán ứng dụng (*)	7460112
		Toán cơ (*)	7460115
		Thống kê	7460201
2	Vật lí	Sư phạm Vật lí (*)	7140211
		Vật lí học (*)	7440102
		Thiên văn học	7440101
		Vật lí kỹ thuật (*)	7520401
		Vật lý nguyên tử và hạt nhân (*)	7440106
3	Hóa học	Sư phạm Hóa học (*)	7140212
		Hóa học (*)	7440112
		Công nghệ kỹ thuật Hóa học (*)	7510401
		Công nghệ thực phẩm	7540101
		Kỹ thuật Hóa học (*)	7520301
		Dược học	7720201
		Khoa học môi CSDT	7440301
4	Sinh học	Sư phạm Sinh học (*)	7140213
		Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	7140215
		Sinh học (*)	7420101
		Công nghệ sinh học (*)	7420201
		Kỹ thuật sinh học (*)	7420202
		Sinh học ứng dụng (*)	7420203
		Y khoa	7720101
		Y học cổ truyền	7720115
		Răng-Hàm-Mặt	7720501
		Y học dự phòng	7720110
		Điều dưỡng	7720301
		Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601
		Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602
		Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603
		Y tế công cộng	7720701
		Dinh dưỡng	7720401
		Kỹ thuật phục hình răng	7720502
		Khoa học môi CSDT	7440301
		Khoa học cây trồng	7620110
		Chăn nuôi	7620105
Lâm học	7620201		
Lâm nghiệp đô thị	7620202		

		Lâm sinh	7620205		
		Quản lý tài nguyên rừng	7620211		
		Nuôi trồng thủy sản	7620301		
5	Ngữ văn	Su phạm Ngữ văn (*)	7140217		
		Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	7220101		
		Sáng tác văn học (*)	7220110		
		Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	7220112		
		Việt Nam học	7310630		
		Văn học (*)	7229030		
		Văn hóa học	7229040		
		Báo chí (*)	7320101		
		Ngôn ngữ học (*)	7229020		
		Thông tin - thư viện	7320201		
		Quản lý thông tin	7320205		
		6	Lịch sử	Su phạm Lịch sử (*)	7140218
				Lịch sử (*)	7229010
Bảo tàng học	7320305				
Nhân học	7310302				
Lưu trữ học	7320303				
7	Địa lí	Su phạm Địa lí (*)	7140219		
		Địa lí học (*)	7310501		
		Bản đồ học	7440212		
		Địa chất học	7440201		
		Địa lý tự nhiên kỹ thuật (*)	7440217		
		Thủy văn học	7440224		
		Quốc tế học	7310601		
		Đông phương học	7310608		
		Hải dương học	7440228		
8	Tin học	Su phạm Tin học (*)	7140210		
		Khoa học máy tính (*)	7480101		
		Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (*)	7480102		
		Kỹ thuật phần mềm (*)	7480103		
		Hệ thống thông tin (*)	7480104		
		Công nghệ thông tin (*)	7480201		
		Công nghệ kỹ thuật máy tính (*)	7480108		
9	Tiếng Anh	Su phạm Tiếng Anh (*)	7140231		
		Ngôn ngữ Anh (*)	7220201		
		Quốc tế học	7310601		
		Đông phương học	7310608		
		Ngôn ngữ học	7229020		
10	Tiếng Nga	Su phạm Tiếng Nga (*)	7140232		
		Ngôn ngữ Nga (*)	7220202		
		Quốc tế học	7310601		
		Đông phương học	7310608		
		Ngôn ngữ học	7229020		
11	Tiếng Trung Quốc	Su phạm tiếng Trung Quốc (*)	7140234		
		Trung Quốc học (*)	7310612		
		Ngôn ngữ Trung Quốc (*)	7220204		
		Hán nôm	7220104		

		Quốc tế học	7310601
		Đông phương học	7310608
		Ngôn ngữ học	7229020
12	Tiếng Pháp	Su phạm Tiếng Pháp (*)	7140233
		Ngôn ngữ Pháp (*)	7220203
		Quốc tế học	7310601
		Đông phương học	7310608
		Ngôn ngữ học	7229020

Ghi chú: - Những ngành có đánh dấu (\*) là ngành đúng;  
- Các ngành còn lại là ngành gần.

**Phụ lục 7**

**MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI QUỐC GIA, QUỐC TẾ ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM .....**

*(Kèm theo Công văn số: 1444 /BGDDĐT-GDDH ngày 14 / 04 /2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....**  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2021

**Kính gửi: CSĐT.....**

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA DỰ THI OLYMPIC QUỐC TẾ NĂM 2021 VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2021**

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký xét tuyển thăng		Năm đoạt giải	Môn đoạt giải	Loại giải, huy chương	Tham dự kì thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic Quốc tế môn	Ghi chú
						Ký hiệu CSĐT	Mã ngành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
01	Nguyễn Văn A		X		.....	BKA	.....		Toán học	HC vàng	Toán	

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 8**

**MẪU DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 20..**

*(Kèm theo Công văn số:1444 /BGDDĐT-GDDH ngày 14 / 04 /2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....**  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2021

**Kính gửi: CSĐT.....**

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2021**

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký xét tuyển thăng		Năm đoạt giải	Lĩnh vực đoạt giải	Loại giải, huy chương	Tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật Quốc tế lĩnh vực	Ghi chú
						Ký hiệu CSĐT	Mã ngành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
01	Nguyễn Văn X.		X		.....	BKA	.....		Khoa học môi CSĐT	HC vàng	Toán	

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Ký tên, đóng dấu)



**Phụ lục 9**

**MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2021**

*(Kèm theo Công văn số: 1444 /BGDDĐT-GDDH ngày 14 / 04 /2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....**  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2021

**Kính gửi: CSĐT.....**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2021 (30a)**

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký xét tuyển thặng		Mã tỉnh và mã CSĐT nơi học THPT hoặc tương đương			Học lực			Ghi chú
							Ký hiệu CSĐT	Mã ngành	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
01	Trần Thị T.		X			.....	XDA								

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Danh sách này gửi về CSĐT thí sinh đăng ký xét tuyển.
- Danh sách này lập đối với thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ và 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam bộ.

**Phụ lục 10**

**MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2021**

*(Kèm theo Công văn số: 1444 /BGDDĐT-GDDH ngày 14 / 04 /2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....**  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2021

**Kính gửi: CSĐT.....**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2021**

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký ưu tiên xét tuyển		Năm đoạt giải	Môn đoạt giải	Loại giải, huy chương	Ghi chú
						Ký hiệu CSĐT	Mã ngành				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
01	Nguyễn Văn X.	X			.....	BKA	.....		Toán	HC vàng	

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Ký tên, đóng dấu)

## Phụ lục 11

### CÁC VĂN BẢN VỀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN KHU VỰC

(Kèm theo Công văn số: 1444 /BGDDT-GDDH ngày 14 / 04 /2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

#### **1. Các văn bản của Bộ trưởng, Chủ nhiệm ủy ban Dân tộc:**

- Quyết định 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 về việc Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015;
- Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 công nhận bổ sung thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015 tỉnh Ninh Bình;
- Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 về việc thay thế nội dung các xã, thôn có tên tương ứng trong QĐ số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013;
- Quyết định 73/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 về việc điều chỉnh khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi thay thế nội dung các xã tương ứng trong quyết định 447/QĐ-UBND;
- Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015
- Quyết định 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;
- Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 19/04/2016 phê duyệt bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;
- Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020.
- Công văn số 389/UBND-CSĐT ngày 30/3/2020 hướng dẫn thực hiện chính sách dân tộc, trong đó có việc quy định các xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135; các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp, sáp nhập, đổi tên.

#### **2. Các văn bản của Thủ tướng Chính phủ:**

- Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 quy định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015;
- Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;
- Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013;
- Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 13/04/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Định;
- Quyết định số 2311/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang;
- Quyết định số 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015;

- Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định 2475/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận;

- Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh;

- Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 công nhận xã đảo thuộc thành phố Hải Phòng;

- Quyết định 900/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020;

- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 phê duyệt bổ sung xã Vĩnh Hải, huyện Hải Ninh, tỉnh Ninh Thuận vào sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định 1614/QĐ-TTg ngày 22/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 28/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23/01/2019 về việc công nhận xã an toàn khu tại tỉnh Ninh Bình;

- Quyết định 235/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Sóc Trăng.

- Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 24/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Quảng Nam.

Quyết định 164/QĐ-TTg ngày 07/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Công nhận các xã An toàn khu tại tỉnh Quảng Nam.

Và các văn bản khác nhưng không trái với quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.